

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Khon;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh A. Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị B. Địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2016 và biên bản hòa giải về con và tài sản tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Thanh A trình bày:

Anh và chị B tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Sau đó một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cự cãi lời qua tiếng lại. Do đó anh chị đã sống ly thân từ tháng 03/2017 đến nay. Nay anh không còn tình cảm với chị B, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung là cháu Trần Thị C và cháu Trần Thị D. Hiện nay hai cháu đang do chị B nuôi dưỡng. Nay anh thống nhất giao hai cháu cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai cháu với mức cấp dưỡng mỗi cháu là ½ tháng lương cơ sở cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động tạo thu nhập phục vụ cho cuộc sống.

Về tài sản chung: Anh và chị B không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 11 năm 2017 và Biên bản hòa giải về con và tài sản tại Tòa án bị đơn, bị đơn chị Trần Thị B trình bày:

Chị thống nhất về quá trình chung sống như anh A trình bày, chị và anh A tổ chức đám cưới vào năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị luôn bất đồng quan điểm và anh chị sống ly thân từ tháng 03/2017 đến nay. Nay tình cảm giữa chị và anh A không còn, nên chị thống nhất ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung như anh A trình bày. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến trưởng thành. Chị yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh và chị không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của các đương sự, các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt, Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[2.2] Anh A, chị B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh A và chị B là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Anh A thống nhất giao hai cháu Trần Thị C và cháu Trần Thị D cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị B đồng ý nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Sự tự nguyện thoả thuận giữa anh A và chị B là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên được công nhận;

[2.4] Về tài sản chung: Anh A và chị B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và không ai nợ lại anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh A và chị Trần Thị B.

2. Về con chung:

Công nhận sự tự nguyện của anh A và chị B về nuôi con: Giao hai cháu Trần Thị C và Trần Thị D cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của anh A và chị B, anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là ½ tháng lương cơ sở cho đến khi cháu C và cháu D trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30 tháng 11 năm 2017.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Thanh A phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ, theo biên lai số: BO/2014-00673 ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, anh A không phải nộp thêm.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Bùi Văn Toán